

Số: 16 /2016/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính
đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc;
chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm
Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy
tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là Nghị định số 221/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 17/TTr-SLĐT BXH ngày 18 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định mức đóng góp, chế độ giảm và chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NCPC-TCD;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Trung tâm Công báo;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
(Công bố theo quy định)
- Trường Phòng NQ-PC;
- Lưu VT, (AL24).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Dương Thành Trung

QUY ĐỊNH

Chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

(Kèm theo Quyết định số 16. /2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi tắt là Trung tâm) và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.
2. Người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình, cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.
3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác chữa trị, cai nghiện ma túy tại Trung tâm, tại gia đình và cộng đồng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH).

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Điều 4. Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe

a) Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ: 270.000 đồng/học viên/lần khám;

b) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần: Mức chi theo chi phí thực tế, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp;

c) Chi phí điều trị đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 23, Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu: 1.000.000 đồng/học viên/lần chấp hành quyết định.

3. Tiền ăn: 40.000 đồng/học viên/ngày.

4. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/học viên/năm.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/học viên/tháng.

6. Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS; vệ sinh môi trường và an ninh, trật tự an toàn xã hội cho học viên: Nội dung và mức chi theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

7. Tiền học nghề: 2.000.000 đồng/học viên/khóa học.

8. Đối với học viên bị nhiễm HIV/AIDS được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác: 150.000 đồng/học viên/năm.

9. Chi phí mai táng đối với trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ, cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức mai táng. Mức mai táng phí tối đa là 8.100.000 đồng/người.

10. Tiền ăn đường, tiền tàu xe: Học viên sau khi hết hạn cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm về cộng đồng thì được Trung tâm giáo dục lao động xã hội tổ chức đưa người sau cai nghiện đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để bàn giao, áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu phân công trách nhiệm và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan, chính quyền địa phương trong công tác quản lý người sau cai nghiện. Kinh phí để thực hiện nội dung này chi từ chương trình phòng, chống ma túy theo quy định tại Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2012, với các mức sau:

a) Tiền ăn là 40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 3 ngày;

b) Tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

11. Các khoản chi khác: Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm:

- a) Vệ sinh nữ: 30.000 đồng/người/tháng;
- b) Thuê chuyên gia hoặc cán bộ có chuyên môn tư vấn cho học viên về chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, kỹ năng sống, tái hòa nhập cộng đồng, về phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác (nếu có);
- c) Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên;
- d) Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.

Điều 5. Các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm

1. Các khoản đóng góp

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Khoản 2, Điều này), gồm các khoản sau:

- a) Tiền ăn: 30.000 đồng/học viên/ngày;
- b) Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác: 250.000 đồng/học viên đối với tháng đầu tiên, từ tháng thứ hai trở đi 100.000 đồng/học viên (tiền thuốc chữa bệnh thông thường khác);
- c) Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 270.000 đồng/học viên/lần chấp hành quyết định;
- d) Sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/học viên/năm hoặc lần chấp hành quyết định đối với trường hợp thời hạn quyết định dưới một năm;
- đ) Học văn hóa, học nghề (nếu học viên có nhu cầu): Tùy theo thời gian và nghề học Trung tâm sẽ có thông báo cụ thể cho học viên;
- e) Điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/học viên/tháng;
- g) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất, vật dụng cá nhân: 200.000 đồng/học viên/lần chấp hành quyết định;
- h) Phục vụ, quản lý: 200.000 đồng/học viên/tháng.

2. Chế độ miễn, giảm

a) Chế độ miễn: Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm nếu thuộc hộ nghèo, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật thì được miễn 100% chi phí trong thời gian chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm.

b) Chế độ giảm: Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm nếu thuộc hộ cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người không có nơi cư trú nhất định, thì được giảm 50% chi phí trong thời gian chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm.

c) Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm thuộc đối tượng được miễn, giảm theo quy định tại Điều a, b, Khoản 2, Điều này cung cấp các giấy tờ (bản photo) chứng minh thuộc diện được hưởng chế độ miễn, giảm.

Điều 6. Các khoản đóng góp, chế độ giảm và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng

1. Các khoản đóng góp

Người cai nghiện ma túy bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình của người đang cai nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được miễn, giảm và hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2, 3, Điều này), gồm các khoản sau:

a) Chi phí khám sức khỏe, xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 370.000 đồng (khám sức khỏe: 100.000 đồng, chất ma túy: 70.000 đồng, các xét nghiệm khác: 200.000 đồng);

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày;

d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): Tùy theo điều kiện cụ thể mà Ủy ban nhân dân nơi tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng thông báo cụ thể cho người cai nghiện.

2. Chế độ miễn, giảm

Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ cận nghèo, người nhiễm HIV/AIDS được miễn tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung; các chi phí còn lại được giảm 50%/người/lần chấp hành quyết định.

3. Chế độ hỗ trợ

a) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy, mức 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định; các chi phí còn lại được hỗ trợ 50%/người/lần chấp hành quyết định.

b) Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ các khoản sau:

- Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt con nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Các nội dung khác có liên quan không nêu tại quy định này thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH và các văn bản có liên quan;

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Trung